

BÁO CÁO

Kết quả giải ngân nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Công văn số 3368/STC-NSHX ngày 08/9/2020 của Sở Tài chính về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân báo cáo tình hình thực hiện giải ngân nguồn vốn đến 30/9/2020 như sau:

1. Tình hình giải ngân nguồn vốn:

a. Nguồn vốn được cấp: 31, 458 tỷ. Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 24,759 tỷ

- Vốn sự nghiệp: 6,699 tỷ

b. Nguồn vốn đã giải ngân đến 30/9/2020

Đã giải ngân: 20,114 tỷ/31,458 tỷ (đạt 64%). Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 17,702 tỷ/24,759 tỷ (đạt 71%)

- Vốn sự nghiệp: 2,411 tỷ/ 6,699 tỷ (đạt 36%)

c. Số vốn còn lại chưa giải ngân: 11,344 tỷ. Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 7,057 tỷ

- Vốn sự nghiệp: 4,288 tỷ

2. Khó khăn, hạn chế, nguyên nhân trong giải ngân nguồn vốn.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và thời tiết trong những tháng đầu năm diễn biến bất thường, quý 1 mưa kéo dài, quý 2 hạn hán. Nghi Xuân là địa phương có nhiều người dân đi từ vùng dịch trong và ngoài nước về nên phải thực hiện cách ly y tế khá lớn. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ phải giãn cách xã hội 1 thời gian, do đó việc triển khai xây dựng các công trình trên địa bàn cũng chậm hơn so với các năm trước. Mặt khác do dịch bệnh, thời tiết nên cũng ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, thu ngân sách giảm mạnh nên việc huy động nguồn lực của nhân dân gặp khó khăn.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả tiến độ giải ngân nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2020. Ủy ban nhân dân

huyện Nghi Xuân kính gửi Văn phòng điều phối thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG TRẠI SẠCH TRUNG MÔI NĂM 2020 (đến 30/9/2020)**

(Báo cáo theo Văn bản số 427 /BC-UBND ngày 06 /10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020		Trong đó			2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó			3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước		Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước				
	Tổng cộng	31.458	21.782	9.676	20.114	17.702	13.043	7.071	64%	60%	73%			
1	Vốn đầu tư phát triển	24.759	15.083	9.676	17.702	10.631	7.071	71%	71%	70%	73%			
-	Phân bổ công trình vệ sinh tương học, trạm y tế	1.360	1.360	0	0	0	0	0%	0%	0%				
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	21.799	12.123	9.676	16.944	9.873	7.071	78%	78%	81%	73%			
-	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TG ngày 15/12/2014	1.600	1.600	0	758	758	0	47%	47%	47%				
2	Vốn sự nghiệp	6.699	6.699	0	2.411	2.411	0	36%	36%	36%				
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	700	700	0	0	0	0	0%	0%	0%				
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	300	300	0	59	59	0	20%	20%	20%				
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	200	200	0	0	0	0	0%	0%	0%				
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu...	120	120	0	0	0	0	0%	0%	0%				
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	200	200	0	200	200	0	100%	100%	100%				
-	Nhân rộng mô hình "Đồng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	70	70	0	35	35	0	50%	50%	50%				
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	390	390	0	130	130	0	33%	33%	33%				
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	114	114	0	76	76	0	67%	67%	67%				
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	480	480	0	310	310	0	65%	65%	65%				
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	375	375	0	115	115	0	31%	31%	31%				
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	3.750	3.750	0	1.486	1.486	0	40%	40%	40%				
1	Đơn vị sử dụng ngân sách cấp huyện	680	680	0	305	305	0	45%	45%	45%				
1	Văn phòng điều phối NTM huyện	480	480	0	105	105	0	22%	22%	22%				
	Vốn sự nghiệp	480	480	0	105	105	0	22%	22%	22%				
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	0	0	0	0	0	0	0%	0%	0%				
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0	0	0	0	0	0	0%	0%	0%				
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0	0	0	0	0	0	0%	0%	0%				

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó		2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó		3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0						
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0						
-	Nhân rộng mô hình "Đồng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	0			0						
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0						
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chi đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	180	180		50	50	28%	28%			
-	Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, tập huấn	300	300		55	55	18%	18%			
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	0			0						
2	Sự nghiệp giáo dục	200	200	0	200	200	100%	100%	100%	100%	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>0</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>		
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	0			0						
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và Khởi nghiệp	0			0						
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0						
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	200	200		200	200	100%	100%			
-	Nhân rộng mô hình "Đồng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	0			0						
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0						
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chi đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	0			0						
-	Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, tập huấn	0			0						
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	0			0						
II	Cấp xã	24.834	15.158	9.676	17.762	10.691	72%	71%	73%		
I	Vốn đầu tư phát triển	24.759	15.083	9.676	17.702	10.631	71%	70%	73%		
-	Phân bổ công trình và sinh trường học, trạm y tế	1.360	1.360	0	0	0	0%	0%			
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	21.799	12.123	9.676	16.944	9.873	78%	81%	73%		
-	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014	1.600	1.600		758	758	47%	47%			
2	Vốn sự nghiệp	6.019	6.019	0	2.106	2.106	35%	35%			

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó		2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó		3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	700	700	0	0	0	0	0%	0%		
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	300	300	0	59	59	0	20%	20%		
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	200	200	0	0	0	0	0%	0%		
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	120	120	0	0	0	0	0%	0%		
-	Phát triển giao đuc ở nông thôn	0	0	0	0	0	0				
-	Nhân rộng mô hình "Đồng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	70	70	0	35	35	0	50%	50%		
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	390	390	0	130	130	0	33%	33%		
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	114	114	0	76	76	0	67%	67%		
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	300	300	0	260	260	0	87%	87%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	75	75	0	60	60	0	80%	80%		
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	3.750	3.750	0	1.486	1.486	0	40%	40%		
	Xuân Hội	1.631	1.007	624	1.422	798	624	87%	79%	100%	
1	Vốn đầu tư phát triển	1.406	782	624	1.397	773	624	99%	99%	100%	
-	Phân bổ công trình về sinh trường học, trạm y tế	0			0						
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782	624	1.397	773	624	99%	99%	100%	
2	Vốn sự nghiệp	225	225	0	25	25	0	11%	11%		
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	0			0						
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0			0						
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0						
-	Phát triển giao đuc ở nông thôn	0			0						
-	Nhân rộng mô hình "Đồng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	0			0						
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0						
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20		100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		5	5		100%	100%		

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó			2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó			3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó			Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài			
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	200	200			0			0%	0%				
	Dan Trường	2.560	1.620		940	2.135	1.195	940	83%	74%	100%			
	Vốn đầu tư phát triển	2.115	1.175		940	2.115	1.175	940	100%	100%	100%			
-	Phân bổ công trình về sinh trường học, trạm y tế	0				0								
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	2.115	1.175		940	2.115	1.175	940	100%	100%	100%			
2	Vốn sự nghiệp	445	445		0	20	20	0	4%	4%	4%			
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nghề nghiệp	0				0								
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	100	100			0			0%	0%	0%			
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0				0								
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đang ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	120	120			0			0%	0%	0%			
-	Phát triển giao đuc ở nông thôn	0				0								
-	Nhân rộng mô hình "Đông bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	0				0								
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	0				0								
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đang ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đang ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0				0								
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20			20	20		100%	100%	100%			
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5			0			0%	0%	0%			
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	200	200			0			0%	0%	0%			
	Xuân Phổ	2.084	1.460		624	1.897	1.273	624	91%	87%	100%			
	Vốn đầu tư phát triển	1.406	782		624	1.399	775	624	100%	99%	100%			
-	Phân bổ công trình về sinh trường học, trạm y tế	0				0								
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782		624	1.399	775	624	100%	99%	100%			
2	Vốn sự nghiệp	678	678		0	498	498	0	73%	73%	73%			
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nghề nghiệp	0				0								
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0				0								
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0				0								
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đang ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0				0								
-	Phát triển giáo đuc ở nông thôn	0				0								

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó		2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó		3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
-	Nhân rộng mô hình "Đòng bộ hoa quân lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	35	35		0			0%	0%		
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	130	130		130	130		100%	100%		
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	38	38		0			0%	0%		
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20		100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		5	5		100%	100%		
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	450	450		343	343		76%	76%		
	Xuân Hải	1.841	1.217	624	1.497	873	624	81%	72%	100%	
	Vốn đầu tư phát triển	1.616	992	624	1.406	782	624	87%	79%	100%	
-	Phân bổ công trình vệ sinh trường học, trạm y tế	210	210		0	0		0%	0%		
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782	624	1.406	782	624	100%	100%		
2	Vốn sự nghiệp	225	225	0	91	91	0	40%	40%		
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	0			0						
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0			0						
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0						
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0						
-	Nhân rộng mô hình "Đòng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	0			0						
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0						
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20		100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		5	5		100%	100%		
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	200	200		66	66		33%	33%		
	Xuân Yên	1.931	1.307	624	1.249	666	583	65%	51%	93%	
	Vốn đầu tư phát triển	1.406	782	624	1.189	606	583	85%	77%	93%	
-	Phân bổ công trình vệ sinh trường học, trạm y tế	0			0						
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782	624	1.189	606	583	85%	77%	93%	
2	Vốn sự nghiệp	525	525	0	60	60	0	11%	11%		

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó		2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó		3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	300	300		0			0%	0%		
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và Khởi nghiệp	0			0						
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đang kỳ đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0						
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0						
-	Nhân rộng mô hình "Đông bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong Khu dân cư	130	130		0			0%	0%		
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đang kỳ đạt chuẩn nông thôn mới, xã đang kỳ đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	38	38		38	38		100%	100%		
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chi đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20		100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		5	5		100%	100%		
1											
Vốn đầu tư phát triển											
-	Phân bổ công trình vệ sinh trường học, trạm y tế	0			0						
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số (tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020)	1.406	782	624	1.406	782	624	100%	100%	100%	
2											
Vốn sự nghiệp											
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	743	743	0	262	262	0	35%	35%		
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	100	100		59	59		59%	59%		
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và Khởi nghiệp	0			0						
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đang kỳ đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0						
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0						
-	Nhân rộng mô hình "Đông bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong Khu dân cư	130	130		0			0%	0%		
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đang kỳ đạt chuẩn nông thôn mới, xã đang kỳ đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	38	38		38	38		100%	100%		
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chi đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20		100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		5	5		100%	100%		



TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó		2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó		3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	450	450		140	140	31%	31%			
	Xuân Mỹ	2.084	1.460	624	98	98	5%	7%	0%		
1	Vốn đầu tư phát triển	1.406	782	624	0	0	0%	0%	0%		
-	Phân bổ công trình vệ sinh trường học, trạm y tế	0			0		0%	0%	0%		
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782	624	0	0	0%	0%	0%		
2	Vốn sự nghiệp	678	678	0	98	98	14%	14%			
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	0			0						
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm đê học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0			0						
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0						
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0						
-	Nhân rộng mô hình "Đòng hồ hoa quả lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	35	35		35	35	100%	100%			
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	130	130		0		0%	0%			
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	38	38		38	38	100%	100%			
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20	100%	100%			
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		5	5	100%	100%			
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	450	450		0		0%	0%			
	Cố Đạm	1.631	1.007	624	1.631	624	100%	100%			
1	Vốn đầu tư phát triển	1.406	782	624	1.406	624	100%	100%			
-	Phân bổ công trình vệ sinh trường học, trạm y tế	0			0						
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782	624	1.406	624	100%	100%			
2	Vốn sự nghiệp	225	225	0	225	0	100%	100%			
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	0			0						
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm đê học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0			0						
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0						
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0						

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó		2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó		3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
-	Nhân rộng mô hình "Đồng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong Khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong Khu dân cư	0			0						
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0						
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20		100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		5	5		100%	100%		
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	200	200		200	200		100%	100%		
-	Cương Giản	2.291	1.667	624	1.406	782	624	61%	47%	100%	
1	Vốn đầu tư phát triển	1.866	1.242	624	1.406	782	624	75%	63%	100%	
-	Phân bổ công trình vệ sinh trường học, trạm y tế	460	460		0	0	0	0%	0%		
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782	624	1.406	782	624	100%	100%	100%	
2	Vốn sự nghiệp	425	425	0	0	0	0	0%	0%		

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó		2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó		3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	0			0						
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	200	200		0			0%	0%		
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu...	0			0						
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0						
-	Nhân rộng mô hình "Đông bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong Khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong Khu dân cư	0			0						
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0						
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20		100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		0			0%	0%		
2. Xuân Giang											
Vốn đầu tư phát triển		1.871	1.247	624	1.543	919	624	82%	74%	100%	
-	Phân bổ công trình và sinh trường học, trạm y tế	240	240	624	0	782	624	85%	77%	100%	
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782	624	1.406	782	624	100%	100%	100%	
2. Vốn sự nghiệp		225	225	0	137	137	0	61%	61%		
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	0			0						
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0			0						
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu...	0			0						
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0						
-	Nhân rộng mô hình "Đông bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong Khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong Khu dân cư	0			0						
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0						
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20		100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		0			0%	0%		

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020			Trong đó			2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó			3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	200	200		117	500	117	59%	59%						
	Xuân Viên	2.341	1.717	624	500	500	0	21%	29%	0%					
1	Vốn đầu tư phát triển	1.616	992	624	460	460	0	28%	46%	0%					
-	Phân bổ công trình về sinh trường học, trạm y tế	210	210		0			0%	0%						
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782	624	460	460	0	33%	59%	0%					
2	Vốn sự nghiệp	725	725	0	40	40	0	6%	6%						
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	400	400		0			0%	0%						
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	100	100		0			0%	0%						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và Khởi nghiệp	0			0										
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0										
-	Nhân rộng mô hình "Đông bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	0			0										
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	0			0										
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0										
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20		20	20		100%	100%						
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5		5	5		100%	100%						
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	200	200		15	15		8%	8%						
	Xuân Hồng	1.631	1.007	624	1.247	927	320	76%	92%	51%					
1	Vốn đầu tư phát triển	1.406	782	624	1.102	782	320	78%	100%	51%					
-	Phân bổ công trình về sinh trường học, trạm y tế	0			0										
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406	782	624	1.102	782	320	78%	100%	51%					
2	Vốn sự nghiệp	225	225	0	145	145	0	64%	64%						
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	0			0										
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0										
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và Khởi nghiệp	0			0										
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0										
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0			0										

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó		2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó		3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
-	Nhân rộng mô hình "Đồng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong Khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong Khu dân cư	0			0						
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0						
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20			20			100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5			5			100%	100%		
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	200			120			60%	60%		
-	Xuân Lam	3.231	2.607	624	1.028	1.028	0	32%	39%	0%	
1	Vốn đầu tư phát triển	3.006	2.382	624	888	888	0	30%	37%	0%	
-	Phân bổ công trình vệ sinh trường học, trạm y tế	0			0						
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406			130			9%	17%	0%	
-	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014	1.600			758			47%	47%		
2	Vốn sự nghiệp	225	225	0	140	140	0	62%	62%		
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	0			0						
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm để học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0			0						
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0			0						
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0			0						
-	Phát triển giao dục ở nông thôn	0			0						
-	Nhân rộng mô hình "Đồng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong Khu dân cư"	0			0						
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong Khu dân cư	0			0						
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, xã đăng ký đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0			0						
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20			0			0%	0%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5			5			100%	100%		
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	200			135			68%	68%		
-	Xuân Linh	1.871	1.247	624	920	620	300	49%	50%	48%	
1	Vốn đầu tư phát triển	1.646	1.022	624	780	480	300	47%	47%	48%	
-	Phân bổ công trình vệ sinh trường học, trạm y tế	240			0			0%	0%		
-	Phân bổ cho các xã theo hệ số tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	1.406			780			55%	61%	48%	

TT	Nội dung	1. Kế hoạch vốn năm 2020	Trong đó		2. Số vốn đã giải ngân (đến ngày 30/9/2020)	Trong đó		3. Tỷ lệ giải ngân	Trong đó		Ghi chú
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
2	Vốn sự nghiệp										
-	Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ thực hiện Tài cơ cấu ngành nông nghiệp	225	225	0	140	140	0	62%	62%		
-	Hỗ trợ nâng cấp, mở rộng các điểm dạy học tập và trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới	0	0	0	0	0	0				
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình Hợp tác xã mẫu và khởi nghiệp	0	0	0	0	0	0				
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin thông minh trong quản lý điều hành tại các xã đang kỳ đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ...	0	0	0	0	0	0				
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	0	0	0	0	0	0				
-	Nhân rộng mô hình "Đông bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong thu gom, phân loại, xử lý rác thải trong khu dân cư"	0	0	0	0	0	0				
-	Hỗ trợ xử lý, cải tạo môi trường trong khu dân cư	0	0	0	0	0	0				
-	Hỗ trợ xét nghiệm mẫu nước tại xã đang kỳ đạt chuẩn nông thôn mới, xã đang kỳ đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu năm 2020.	0	0	0	0	0	0				
-	Hỗ trợ hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã	20	20	0	20	20	0	100%	100%		
-	Hỗ trợ kinh phí truyền thông, tập huấn	5	5	0	5	5	0	100%	100%		
-	Kinh phí hỗ trợ các xã theo định mức phân bổ tại QĐ số 1385/QĐ-UBND ngày 5/5/2020	200	200	0	115	115	0	58%	58%		

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH CẤP HUYỆN



Trần Trọng Sơn

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN



Bê Văn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN



Nguyễn Việt Cường

PHI XUAN